

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HSST
Ngày 18 tháng 3 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân
2. Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 18/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2020/HSST ngày 21/01/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HS ngày 28/02/2020 đối với:

- Bị cáo: Lê Hoàng H sinh năm 1992; nơi sinh tỉnh Hà Tĩnh; tên gọi khác: H Gà; đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ dân số N, thị trấn T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: tổ dân số Nghĩa Lập 3, thị trấn T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Lê Viết H sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1960; anh chị em ruột: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1996; vợ con: chưa có; tiền án: ngày 21/06/2010 Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, ngày 23/08/2013 Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 05 năm tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*”; tiền sự: ngày 10/04/2019 Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; nhân thân: ngày 04/03/2008 bị Ủy ban nhân dân huyện D ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến nay; bị cáo bị tạm giam có mặt.

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thị B sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 26/6, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn L sinh năm 1957; Trú tại: Số 17, tổ 10, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Ông Phạm Ngọc T sinh năm 1967; Trú tại: Số 04/22, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Ông Nguyễn Tá Q sinh năm 1975; Trú tại: Số 02/31, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Hoàng H là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề ổn định. Ngày 10/04/2019, bị cáo H bị Công an thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. H đã nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa nộp tiền phạt. Sau đó, H tiếp tục có 04 lần khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là các thùng bia lon của các cửa hàng tạp hóa để ăn nhậu và bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng giữa tháng 05/2019, bị cáo H một mình điều khiển xe máy biển số 49T9 – 6288 đi qua cửa hàng tạp hóa N của bà Nguyễn Thị B tại số 26/6, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng quan sát không thấy ai trông coi cửa hàng nên nảy sinh ý định trộm cắp bia. Bị cáo H dựng xe máy ở ngoài đường và đi vào trong cửa hàng khiêng 02 thùng bia lon Tiger Lager Beer mang ra để ở khung xe máy và bỏ chạy. Chủ cửa hàng phát hiện đuổi theo khoảng 20 mét thì H làm rơi lại 02 thùng bia này.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ số 114/KL-HĐĐG ngày 01/08/2019 kết luận vào tháng 05/2019: 01 lon bia Tiger Lager Beer có giá là 14.000 đồng. Tổng trị giá 02 thùng bia Tiger Lager Beer (loại 24 lon/01 thùng) là 672.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào một ngày trong tháng 05/2019, bị cáo H một mình điều khiển xe máy biển số 49T9 – 6288 đi qua cửa hàng tạp hóa L của ông Nguyễn Văn L tại số 17, tổ 10, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng quan sát không thấy ai trông coi cửa hàng nên nảy sinh ý định trộm cắp bia. Bị cáo H dựng xe máy ở ngoài đường và đi vào trong cửa hàng khiêng 02 thùng bia lon Sài Gòn Lager mang ra xe máy. H mang 02 thùng bia đến đổi cho một người tên B (không xác định được nhân thân lai lịch) ở thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng lấy ma túy sử dụng.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ số 114/KL-HĐĐG ngày 01/08/2019 kết luận vào tháng 05/2019: 01 lon bia Sài Gòn Lager có giá là 14.000 đồng. Tổng trị giá 02 thùng bia Sài Gòn Lager (loại 24 lon/01 thùng) là 672.000 đồng.

- Lần thứ ba: Vào buổi chiều ngày 11/6/2019, Lê Hoàng H một mình điều khiển xe máy biển số 4919 – 6288 đi qua cửa hàng tạp hóa T của ông Phạm Ngọc T tại số 04/22, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng quan sát không thấy ai trông coi cửa hàng nên H nảy sinh ý định trộm cắp bia. H dựng xe máy ở ngoài đường và đi vào trong cửa hàng bê 01 thùng bia lon Tiger Lager Beer mang ra xe máy. H mang thùng bia này về nhà ăn nhậu hết.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ số 114/KL-HĐĐG ngày 01/08/2019 kết luận vào tháng 06/2019: 01 lon bia Tiger Lager Beer có giá là 14.000 đồng. Trị giá 01 thùng bia Tiger Lager Beer (loại 24 lon/01 thùng) là 336.000 đồng.

Ông Phạm Ngọc T khai vào ngày 11/06/2019 cửa hàng tạp hóa Thu Thuận mất trộm thêm 01 thùng nước ngọt Pepsi. Do khi mất trộm tài sản ông T không trình báo Công an và trong quá trình điều tra bị cáo H không khai nhận nên không có cơ sở để xử lý.

- Lần thứ tư: Khoảng 08 giờ 50 ngày 18/6/2019, bị cáo H một mình điều khiển xe máy biển số 49T9 – 6288 đi qua cửa hàng tạp hóa Hương của ông Nguyễn Tá Q tại số 02/31, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng quan sát không thấy ai trông coi cửa hàng nên H nảy sinh ý định trộm cắp bia. H dựng xe máy ở ngoài đường và đi vào trong cửa hàng khiêng 01 thùng bia lon Tiger Lager Beer mang ra xe máy để bỏ trốn. Chủ cửa hàng phát hiện, đuổi theo và bắt được H giao cho Công an xã H.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ số 114/KL-HĐĐG ngày 01/08/2019 kết luận vào tháng 06/2019: 01 lon bia Tiger Lager Beer có giá là 14.000 đồng. Tổng trị giá 01 thùng bia Tiger Lager Beer (loại 24 lon/01 thùng) là 336.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.016.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 17/01/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Lê Hoàng H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thực hành quyền công tố giữ nguyên nội dung bản Cáo Trạng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù; về vật chứng chiếc xe máy nhãn hiệu Vecstar biển số 49T9 – 6288 chưa xác minh được chủ sở hữu đề nghị giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau; về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị B 660.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Lê Hoàng H là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Ngày 10/04/2019, H bị Công an thị trấn L xử phạt vi phạm hành chính

1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. H đã nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa nộp tiền phạt. Sau đó, H tiếp tục có 04 lần khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 04 thùng bia lon Tiger Lager Beer và 02 thùng bia lon Sài Gòn Lager ở các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn xã H, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.016.000 đồng của các cửa hàng tạp hóa để ăn nhậu, bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cho bản thân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không khiêu nại các kết luận định giá tài sản, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là đối tượng có tiền án đã bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự tại bản án số 25/2013/HSST ngày 23/8/2013, bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm tội phạm và hình phạt được quy định điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại. Bị cáo là người có sức khỏe, nhưng vì lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài cho bản thân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo là đối tượng có tiền án: Ngày 21/06/2010 Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, ngày 23/08/2013 Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 05 năm tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*”; Tiền sự: Ngày 10/04/2019 Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 04/03/2008 bị Ủy ban nhân dân huyện D ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù là có căn cứ, đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian

mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, góp phần phòng ngừa chung.

[6] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Vecstar biển số 49T9 – 6288 đứng tên chủ xe là ông Trần Văn T sinh năm 1978, trú tại thôn 1, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Qua làm việc, ông T khai đã bán chiếc xe máy này cho người khác nhưng không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Sau đó chiếc xe máy được bán cho nhiều người khác, không xác định được chủ sở hữu cuối cùng là ai. Bị cáo khai nhận mua chiếc xe máy này vào tháng 04/2019 của một người tên Bờ thị trấn N, huyện Lâm Hà với số tiền 1.200.000 đồng, sau đó H sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xét thấy, do chưa xác định được chủ sở hữu cuối cùng của chiếc xe máy nhãn hiệu Vecstar biển số 49T9 – 6288, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bà B yêu cầu bồi thường số tiền 660.000 đồng số bia bị trộm, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo phải bồi thường trả cho bà B số tiền 660.000 đồng. Đối với các bị hại ông L, ông T, ông Q không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường cho bà B theo quy định.

[10] Ngoài ra, trước khi bị Công an thị trấn L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (trước ngày 10/4/2019), trong quá trình điều tra ông Nguyễn Văn L khai vào tháng 12/2018, cửa hàng tạp hóa L còn mất trộm nhiều thùng bia lon, do sau khi mất trộm tài sản, ông L không trình báo Công an và trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H không thừa nhận đã trộm cắp nên không có cơ sở để xử lý; đối với bà Nguyễn Thị B khai vào đầu tháng 03/2019, cửa hàng tạp hóa Ngọc An mất trộm các thùng bia lon, do sau khi mất trộm tài sản, bà B không trình báo Công an, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H không khai nhận đã trộm cắp thùng bia này nên không có cơ sở để xử lý.

[11] Đối với Nguyễn N là người trong một lần cùng đi với H, N không biết việc H vào quán thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, vì vậy không xem xét trách nhiệm. Đối với người tên B là người đã bán chiếc xe máy cho H và có 02 lần dùng ma túy đối lấy bia của H, do chưa xác minh được nhân thân lai lịch người này nên tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Hoàng H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/10/2019.

[2] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh xử lý sau đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Vecstar biển số 49T9 – 6288 (Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/01/2020 – BL 142).

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Buộc bị cáo Lê Hoàng H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị B 660.000 đồng (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Hoàng H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo H, bị hại ông L có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND huyện Đ;
- CAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- THA HS;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phụng Diễm